|  |
| --- |
| **Phiếu 6/VĐT-H**  **TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  **Mã hộ:**    **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  **VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA HỘ**  **NĂM 2014**  - Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này đối với các đơn vị điều tra được quy định tại Điều 10, 13 và Điều 32 của Luật Thống kê.  - Các thông tin do Quý đơn vị cung cấp chỉ nhằm phục vụ công tác Thống kê và hoàn toàn được bảo mật theo Luật định.  Thực hiện Quyết định số 1443/QĐ-BKHĐT ngày 13 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng  Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổ chức điều tra Vốn đầu tư phát triển năm 2015.  ***(Áp dụng cho hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở)*** |

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Họ và tên chủ hộ:** ………………………….………………………………………….……

**2. Địa chỉ:** *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/thành phố ……………………………………..……………………………………….

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ……………………………………………….

Xã/phường/thị trấn: ……………………………………………………………

Thôn, ấp (số nhà, đường phố): ……………………………………………………………..

Điện thoại: ………………………………………………….……… *CQ Thống kê ghi*

**3. Địa bàn điều tra** : ………………………..……..………..……….. Địa bàn số

**4. Làng nghề:** ……………………………………………………….. Mã làng nghề

*(Ghi tên làng nghề nếu hộ nằm trong làng nghề sản xuất tập trung)*

**5. Khu vực** *(Khoanh tròn vào mã tương ứng câu trả lời phù hợp)* 1. Thành thị; 2. Nông thôn

**6. Tỷ lệ vốn đầu tư** (%) : 1. Cho nhà ở: ………………………………………………….

2. Cho sản xuất kinh doanh: …………………………………..

**Tổng số:**…………………………………………..**100%**

*(Nếu hộ có đầu tư cho sản xuất kinh doanh, trả lời tiếp câu hỏi 7, nếu không chuyển xuống mục II)*

**7. Mục đích đầu tư cho sản xuất kinh doanh:** ……………………… *Mã ngành ĐTư CQ TK ghi*

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Thực hiện**  **năm 2014** |
| --- | --- | --- |
|
| **A** | **B** | **1** |
| **Tổng số** (01=02+05+06+11+12=14+19+20+21) | **01** |  |
| **A. Chia theo nguồn vốn** |  |  |
| ***1. Ngân sách Nhà nước*** (02=03+04) | ***02*** |  |
| - Ngân sách Trung ương | 03 |  |
| - Ngân sách địa phương | 04 |  |
| ***2. Tín dụng đầu tư phát triển*** | ***05*** |  |
| ***3. Vốn vay*** (06=07+08+09+10) | ***06*** |  |
| - Vay ngân hàng thương mại nhà nước | 07 |  |
| - Vay ngân hàng ngoài nhà nước | 08 |  |
| - Vay tổ chức, cá nhân khác ở trong nước | 09 |  |
| - Vay tổ chức, cá nhân khác ở nước ngoài | 10 |  |
| ***4. Vốn tự có*** | ***11*** |  |
| ***5. Vốn huy động từ các nguồn khác (cho, biếu, tặng)*** | ***12*** |  |
| **B. Chia theo khoản mục đầu tư** |  |  |
| *Trong đó: máy móc thiết bị đã qua sử dụng trong nước* | 13 |  |
| ***1. Xây dựng cơ bản*** (14=15+16+17) | ***14*** |  |
| Chia ra: - Xây dựng và lắp đặt | 15 |  |
| - Máy móc, thiết bị | 16 |  |
| - Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác | 17 |  |
| *Trong đó: Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất* | 18 |  |
| ***2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản*** | ***19*** |  |
| ***3. Sửa chữa lớn, nâng cấp TSCĐ*** | ***20*** |  |
| ***4. Đầu tư khác*** | ***21*** |  |

**III. NHÀ Ở HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2014**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Diện tích hoàn thành**  *(m2)* | **Tổng chi phí**  **xây dựng**  *(Triệu đồng)* |
| **A** | **B** | **1** | **2** |
| **1. Nhà riêng lẻ dưới 4 tầng** (01=02+03+04+05) | **01** |  |  |
| Nhà kiên cố | 02 |  |  |
| Nhà bán kiên cố | 03 |  |  |
| Nhà khung gỗ lâu bền | 04 |  |  |
| Nhà khác | 05 |  |  |
| **2. Nhà riêng lẻ từ 4 tầng trở lên** | **06** |  |  |
|  |  |  |  |
| **3. Nhà biệt thự** | **07** |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**  *(Ký, họ tên)* |  | *…, ngày … tháng … năm …*  **Chủ hộ**  *(Ký, họ tên)* |